

Số: 01/CK-MNHTA

Hợp Tiến, ngày 17 tháng 9 năm 2024

KẾ HOẠCH
CÔNG KHAI TRONG HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC
THUỘC HỆ THỐNG GIÁO DỤC QUỐC DÂN NĂM HỌC 2024-2025

Căn cứ Số: 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 Quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân. Thực hiện kế hoạch nhiệm vụ vụ năm học 2024-2025. Trường Mầm non Hợp Tiến A công khai đầu năm học 2024 – 2025 như sau:

NỘI DUNG CÔNG KHAI

Mục 1. CÔNG KHAI CHUNG ĐỐI VỚI CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC

Điều 4. Thông tin chung về cơ sở giáo dục

1. Tên cơ sở giáo dục: Trường Mầm non Hợp Tiến A, huyện Mỹ Đức Thành Phố Hà Nội

2. Địa chỉ trụ sở chính và các địa chỉ hoạt động khác của cơ sở giáo dục, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của cơ sở giáo dục (sau đây gọi chung là cổng thông tin điện tử).

Thôn Viêm Khê xã Hợp Tiến huyện Mỹ Đức Thành Phố Hà Nội

Thư điện tử: mamnonhoptiena@gdmd.edu.vn

Trang web: <https://mamnonhoptiena.edu.vn/>

3. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục.

Sứ mạng: Phát triển những giá trị cốt lõi 5 phẩm chất và 10 năng lực.

Tầm nhìn: Xây dựng nhà trường có uy tín về chất lượng giáo dục toàn diện, là mô hình giáo dục hiện đại, tiên tiến phù hợp với xu thế phát triển của đất nước và thời kỳ hội nhập. Là một trong những trường mầm non có chất lượng giảng dạy trong huyện. Đào tạo thế hệ học sinh có truyền thống tự hào là học sinh trường Mầm non Hợp Tiến A, là những công dân có ích cho gia đình và xã hội, là những con người mới XHCN, có phẩm chất đạo đức tốt, có năng lực làm chủ cuộc sống, phát triển đầy đủ về thể lực và trí lực để sống làm việc và hội nhập toàn cầu.

Mục tiêu:

Chất lượng hai mặt giáo dục :

STT	NỘI DUNG	NHÀ TRẺ	MẪU GIÁO
I	Chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục trẻ dự kiến đạt được.	98%	98%
II	Chương trình giáo dục mầm non của nhà trường thực	100% trẻ được giáo dục theo chương	100% trẻ được giáo dục theo chương

	hiện.	trình chăm sóc GDMN và ứng dụng PPGD tiên tiên Steam	trình chăm sóc GDMN và ứng dụng PPGD tiên tiên Steam
III	Kết quả đạt được trên trẻ theo các lĩnh vực phát triển.	98 %	98 %
IV	Các hoạt động hỗ trợ chăm sóc giáo dục trẻ ở cơ sở.	Đảm bảo 100%	Đảm bảo 100%

4. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục.

Trường mầm non Hợp Tiến A mới được tách từ trường mầm non Hợp Tiến theo quyết định số: 1713/QĐ-UBND Huyện Mỹ Đức ngày 27/6/2023. Trường Mầm non Hợp Tiến A nằm ở phía Tây Nam thuộc xã Hợp Tiến Huyện Mỹ Đức Thành phố Hà Nội giáp danh với đường Bắc Nam Tỉnh Hòa Bình. Nhà trường luôn nhận được sự quan tâm của UBND huyện Mỹ Đức, sự chỉ đạo sát sao của Phòng giáo dục và đào tạo Mỹ Đức, sự quan tâm giúp đỡ của Đảng ủy, HĐND, UBND xã, các ban ngành đoàn thể trong xã, đặc biệt là sự ủng hộ và giúp đỡ nhiệt tình của các bậc phụ huynh. Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đảm bảo về chất lượng; Chế độ chính sách ổn định.

5. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ, bao gồm: Họ và tên, chức vụ, địa chỉ nơi làm việc; số điện thoại, địa chỉ thư điện tử.

Hiệu trưởng: Bùi Thị Thanh Phương Số điện thoại: 0981659988

Thư điện tử: phuonggsoda86@gmail.com

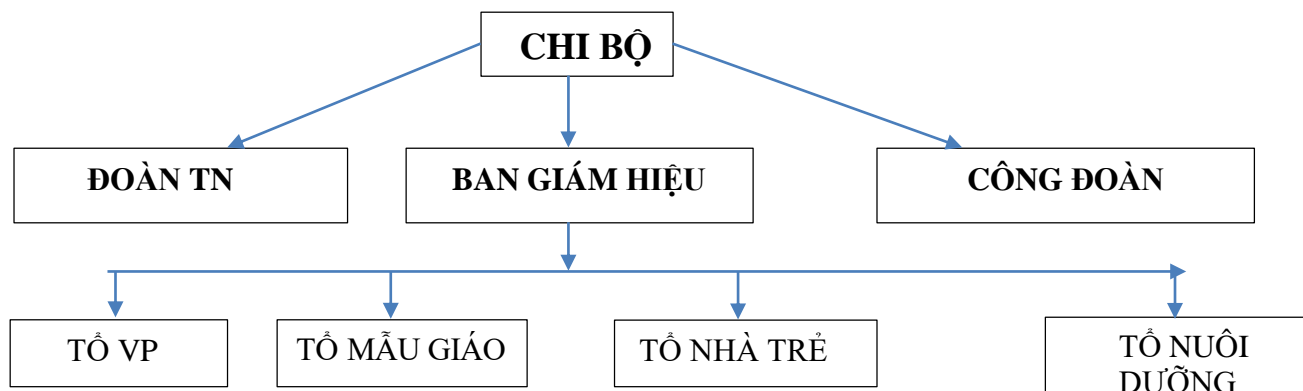
6. Tổ chức bộ máy:

Nhà trường thực hiện theo Quyết định số:1849/QĐ-UBND ngày 07 tháng 7 năm 2023 về việc điều động phân bổ số lượng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và lao động hợp đồng đối với trường mầm non Hợp tuyến A và trường mầm non Hợp Tiến B trên cơ sở tách trường mầm non Hợp Tiến.

Quyết định số: 3278/ QĐ-UBND ngày 11 tháng 10 năm 2023 về việc thành lập hội đồng trường mầm non hợp kiến A

Quyết định bổ nhiệm Hiệu trưởng số: 2906/QĐ-UBND ngày 23/11/2021
Quyết định Phó Hiệu trưởng số: 1724/QĐ-UBND này 08/8/2021

Sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục:



Điều 5. Thu, chi tài chính

Tình hình tài chính của cơ sở giáo dục trong năm tài chính trước liền kề thời điểm báo cáo theo quy định pháp luật, trong đó có cơ cấu các khoản thu, chi hoạt động như sau:

Các khoản thu phân theo: Nguồn kinh phí (ngân sách nhà nước năm 2024)

STT	Nguồn quỹ	Nội dung chi	Tỷ lệ chi %	Số tiền
1	Ngân sách 2024 và học phí	Chi lương, các khoản đóng theo lương. 3.352.136.000đ	100%	3.352.136.000
		Chi thực hiện nhiệm vụ giáo dục. 572.779.000đ	95%	544.140.000

Các khoản thu và mức thu đối với người học, bao gồm: học phí, lệ phí, tất cả các khoản thu và mức thu ngoài học phí, lệ phí (nếu có) trong năm học và dự kiến cho từng năm học tiếp theo của cấp học hoặc khóa học của cơ sở giáo dục trước khi tuyển sinh, dự tuyển.

STT	KHOẢN THU	Mức thu	Ghi chú
1	Các khoản thu theo Công văn	95.000đ/tháng	
1.1	Học phí trẻ nhà trẻ, 3,4 tuổi	95.000đ/tháng	
2	Các khoản thu dịch vụ:		
2.1	Tiền ăn bán trú	25.000 đ/HS/ngày	(Thực hiện tháng 11)
2.2	Chăm sóc bán trú	235.000 đ/HS/tháng	
2.3	Trang thiết bị phục vụ bán trú	200.000 đ/HS/năm	
2.4	Tiền nước uống tinh khiết	12.000đ/HS/tháng	

Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng đối với người học: miễn học phí theo theo Nghị quyết 54/2019/NQ-HĐND.

Số dư các quỹ theo quy định, kể cả quỹ đặc thù (nếu có). Không

Các nội dung công khai tài chính khác thực hiện theo quy định của pháp luật về tài chính, ngân sách, kế toán, kiểm toán, dân chủ cơ sở. Công khai hàng tháng trong các cuộc họp Hội đồng sư phạm nhà trường.

Mục 2 CÔNG KHAI ĐỐI VỚI GIÁO DỤC MẦM NON

Điều 6. Điều kiện bảo đảm chất lượng hoạt động giáo dục mầm non

CÔNG KHAI CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC MẦM NON

NĂM HỌC 2024 - 2025

Đơn vị tính: trẻ em

ST T	Nội dung	Tổng số trẻ em	Nhà trẻ	Mẫu giáo		
			25-36 tháng	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi
I	Tổng số trẻ em	513	70	131	164	148
1	Số trẻ em 2 buổi/ngày	513	70	87	100	130
2	Số trẻ em khuyết tật học hòa nhập	0	0	0	0	0
II	Số trẻ em được tổ chức ăn tại cơ sở	513	70	131	164	148
III	Số trẻ em được kiểm tra định kỳ sức khỏe	513	70	131	164	148
IV	Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng	513	70	131	164	148
V	Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em	513	70	131	164	148
1	Phát triển bình thường về cân nặng	392	68	129	162	145
	Suy dinh dưỡng cân nặng (thể nhẹ)	9	2	2	2	3
2	Phát triển bình thường về chiều cao	387	67	128	162	145
	Trẻ thấp còi	10	3	3	2	2
3	Số trẻ em thừa cân, béo phì	0	0	0	0	0
VI	Số trẻ em học chương trình chăm sóc giáo dục mầm non	513	70	131	164	148

1. Thông tin về đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên:

CÔNG KHAI THÔNG TIN ĐỘI NGŨ CBQL, GV, NV

NĂM HỌC 2024 - 2025

				Hạng chức danh nghề	Xếp loại chuẩn
--	--	--	--	---------------------	----------------

TT	Nội dung	T số	Trình độ đào tạo				nghịệp			nghề nghiệp		
			Đ H	C Đ	T C	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	X S	Khá	TB
	Tổng số CBQL, GV và NV	63	38	7	10	0	3	25	15	9	34	0
I	Cán bộ Q.Lý	2	2	0	0	0	0	0	3	2	0	0
1	Hiệu trưởng	1	1	0	0	0	0	0	1	1	0	0
2	P.Hiệu trưởng	1	1	0	0	0	0	0	1	1	0	0
II	Giáo viên	44	41	3	1	0	3	37	4	11	32	1
1	Nhà trẻ	10	10	0	0	0	0	8	2	5	5	0
2	Mẫu giáo	34	31	3	0	0	1	29	2	6	27	0
III	Nhân viên	17	2	11	4							
1	NV Kế toán	1	1									
2	NV Y tế	1	1									
3	NV Nuôi dưỡng	12	0	9	3							
4	NV phục vụ	0	0									
5	NV bảo vệ	3		2	1							

2. Thông tin về cơ sở vật chất:

**CÔNG KHAI THÔNG TIN CƠ SỞ VẬT CHẤT
NĂM HỌC 2024 - 2025**

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân Số m ² /trẻ em
I	Số điểm trường	01	-
II	Tổng số phòng	27	-
1	Loại phòng học	18	1,89 m²/trẻ em
2	Phòng chức năng, hiệu bộ, Y tế, vi tính, thư viện, hành chính quản trị	7	-
III	Tổng DT đất toàn trường (m²)	7.500	15 m²/trẻ
IV	Tổng diện tích sân chơi (m²)	4.500	8.7 m²/trẻ em
V	Diện tích phòng SH chung (m²)	1.200	2.3m²/trẻ em

VI	Diện tích phòng vệ sinh (m²)	225	0,46 m²/trẻ em
VII	Diện tích nhà bếp (m²)	120	-
VIII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	402	402/18 lớp
IX	Máy vi tính dành cho CB,GV,NV	23	-
X	Máy tính trẻ em	0	-
XI	Máy chiếu	1	-
XII	Máy in	16	-
XIII	Nhạc cụ (Đàn organ)	5	-
XIV	Ti vi	23	-
XV	Máy phô tô	1	-
XVI	Đầu Video/đầu đĩa	0	-
XVII	Điều hòa	28	-
XVIII	Đồ chơi ngoài trời (loại)	15	-
XIX	Bàn ghế đúng quy cách (bộ)	338	-

3. Thông tin về kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục:

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Kết quả đánh giá

(Đánh dấu (x) vào ô kết quả tương ứng Đạt hoặc Không đạt)

1.1. Đánh giá tiêu chí Mức 1, 2 và 3

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chuẩn 1				
Tiêu chí 1.1		X	X	X
Tiêu chí 1.2		X	X	---
Tiêu chí 1.3		X	X	X
Tiêu chí 1.4		X	X	X
Tiêu chí 1.5		X	X	X
Tiêu chí 1.6		X	X	X
Tiêu chí 1.7		X	X	---
Tiêu chí 1.8		X	X	---

Tiêu chí 1.9		x	x	---
Tiêu chí 1.10		x	x	---
Tiêu chuẩn 2				
Tiêu chí 2.1		x	x	x
Tiêu chí 2.2		x	x	x
Tiêu chí 2.3		x	x	x
Tiêu chuẩn 3				
Tiêu chí 3.1		x	x	x
Tiêu chí 3.2		x	x	x
Tiêu chí 3.3		x	x	x
Tiêu chí 3.4		x	x	x
Tiêu chí 3.5		x	x	x
Tiêu chí 3.6		x	x	---
Tiêu chuẩn 4				
Tiêu chí 4.1		x	x	x
Tiêu chí 4.2		x	x	x
Tiêu chuẩn 5				
Tiêu chí 5.1		x	x	x
Tiêu chí 5.2		x	x	x
Tiêu chí 5.3		x	x	x
Tiêu chí 5.4		x	x	x
Tổng số		25/25	25/25	19/19
Tỷ lệ		100	100	100

Kết quả: Đạt Mức 3

1.2. Đánh giá tiêu chí Mức 4:

Tiêu chí	Kết quả		Ghi chú
	Đạt	Không đạt	
Tiêu chí 1	x		
Tiêu chí 2	x		
Tiêu chí 3	x		
Tiêu chí 4		x	

Tiêu chí 5		x	
Tiêu chí 6		x	

Kết quả: Không đạt Mức 4

2. Kết luận: Trường đạt Mức 3

4. Cơ sở giáo dục thực hiện chương trình giáo dục của nước ngoài hoặc chương trình.

Nhà trường có đầy đủ hồ sơ pháp lý ký kết với trung tâm Anh ngữ Thiên Tường tổ chức các hoạt động ngoại khóa rèn kỹ năng, Tiếng anh, nghệ thuật cho trẻ từ 3 tuổi đến 5 tuổi.

Điều 7. Kế hoạch và kết quả hoạt động giáo dục mầm non

1. Thông tin về kế hoạch hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục trong năm học:

Thực hiện kế hoạch Số: 75/PH-MNHTA ngày 10 tháng 10 năm 2023 Phương hướng chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2023-2028 và kế hoạch phát triển giáo dục năm học 2024-2025 số: 46 /KH-MNHTA ngày 10 tháng 04 năm 2024.

Thực hiện kế hoạch chỉ tiêu giao

Số KH dự kiến phát triển GD chỉ tiêu giao					Số lớp, trẻ thực hiện đầu năm		
Stt	Độ Tuổi	Tổng SL trẻ	Số nhóm lớp	Số trẻ/lớp	Tổng SL trẻ	Số nhóm lớp	Số trẻ/lớp
	5 tuổi	145	5	29	148	5	30
	4 Tuổi	150	5	30	164	5	33
	3 tuổi	145	5	29	131	5	32,7
	Nhà trẻ	80	3	26,6	77	3	23,3
Tổng toàn trường		520	18		520	18	

2. Thông tin về kết quả thực hiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em của năm học trước:

+ 100% trẻ được khám sức khỏe định kỳ hai lần /1 năm học

- 100% trẻ được theo dõi biểu đồ sức khỏe:

Tỉ lệ trẻ SDD: 0,3%

Tỉ lệ trẻ thấp còi: 0,3%

Tỉ lệ trẻ béo phì: 0,3%

3.2. Chất lượng giáo dục

Tổ chức đánh giá trẻ cuối năm học: Năm học 2023 – 2024 có 100% trẻ nhà trẻ

được đánh giá theo 4 lĩnh vực và 100% trẻ MG được đánh giá theo 5 lĩnh vực (Phát triển thể chất, phát triển nhận thức, phát triển tình cảm xã hội, phát triển ngôn ngữ, phát triển thẩm mỹ).

Kết quả đạt được cụ thể như sau: Trẻ Đạt 70% các mục tiêu là: 526/530 trẻ đạt 99%, trẻ chưa đạt có 4/530 đạt 01%. 100% trẻ 5 Tuổi đạt các mục tiêu hoàn thành chương trình giáo dục mầm non lên lớp 1.

Nhà trường trao giấy khen thưởng, 01 xuất quà cho 154/350 trẻ đạt 30% học sinh chăm ngoan học giỏi và 100% các bé đều có phiếu khen.

3. Cơ sở giáo dục thực hiện chương trình giáo dục của nước ngoài hoặc chương trình giáo dục tích hợp thực hiện công khai thêm nội dung: số lượng trẻ em đang học (chia theo số lượng trẻ em là người Việt Nam và số lượng trẻ em là người nước ngoài). Không thực hiện

Trường Mầm non Hợp Tiến A công khai trong trường học, đầu năm học 2024 – 2025.

Nơi nhận:

- Phòng GD&ĐT (báo cáo);
- Đăng trên trang Web trường;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG



Bùi Thị Thanh Phương